

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Mừng;
2. Ông Võ Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 595/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu V (D), sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 752, tổ 22, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 752, tổ 22, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu V trình bày: Chị và anh P quen biết nhau và đi đến hôn nhân vào ngày 28/10/2003 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, chồng không lo làm ăn, không quan tâm lo lắng cho các con. Vợ

chồng không còn sống chung khoảng 06 tháng nay. Anh P cũng thường xuyên về nhà thăm con rồi lại đi tiếp, vợ chồng không quan tâm với nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh P.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 24/4/2001; cháu Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 21/9/2003 và cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 02/01/2012. Hiện các cháu đang sống chung với chị V. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng ba con chung, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị V xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Thanh P đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh P vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa, chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị Thu V khởi kiện anh Nguyễn Thanh P, anh P cư trú ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị V và anh P sống chung với nhau vào tháng 10 năm 2003, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, anh P không lo làm ăn, không cùng chị chăm lo cho các con nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Chị và anh P không còn sống chung từ tháng 4/2018 cho đến nay, anh P đi làm thường xuyên về nhà thăm con rồi lại đi tiếp nhưng giữa chị và anh P không quan tâm lẫn nhau, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa chị V và anh P không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị V yêu cầu ly hôn với anh P, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình “ Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn...” Tại phiên tòa, chị V xác định

tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị V là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 24/4/2001; cháu Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 21/9/2003 và cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 02/01/2012. Hiện các cháu đang sống chung với chị V. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng ba con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay các cháu sống ổn định với chị V vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Trong quá trình làm việc Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến và nguyện vọng của cháu N và cháu K thì các cháu có nguyện vọng sống với chị V, anh P cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Nhã, cháu N và cháu K cho chị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên Tòa ngày hôm nay chị V trình bày do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân phải trực tiếp nuôi 03 con chung nên chị không đủ khả năng. Nay chị yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 700.000 đồng / tháng cho đến khi con chung thành niên. Thời gian cấp dưỡng được thực hiện bắt đầu tháng 11.2018. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị V phù hợp, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị V.

[5]. *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung*: Chị V xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị V xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị V và anh P thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị V và anh P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu V.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Vân được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu V được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 24/4/2001; cháu Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 21/9/2003 và cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 02/01/2012. Hiện các cháu đang sống chung với chị V. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho mỗi cháu 700.000 đ (bảy trăm ngàn đồng)/tháng cho đến khi con chung thành niên. Thời gian thực hiện bắt đầu tháng 11.2018.

Chị V cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị V xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị V xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị V và anh P thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000044 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Chị V không phải nộp thêm.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thanh P phải chịu 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng).

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã L, huyện H;
tỉnh Kiên Giang.
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn